

NGHIÊN CỨU VÔ SINH DO TẮC VÒI TỬ CUNG VÀ TÌM HIỂU MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TẠI BỆNH VIỆN PHỤ SẢN TRUNG ƯƠNG

Nông Hồng Lê⁽¹⁾, Nguyễn Ngọc Minh⁽²⁾

(1) Đại học Y Dược Thái Nguyên, (2) Đại học Y Hà Nội

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nhận xét một số yếu tố chính liên quan đến vô sinh nữ do tắc vòi tử cung tại Viện Phụ sản Trung ương từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2012. **Đối tượng và phương pháp:** Mô tả tiến cứu trên 150 bệnh nhân khám vô sinh được chụp tử cung - vòi tử cung tại Viện Phụ sản Trung ương. **Kết quả:** vô sinh do tắc vòi tử cung chiếm tỉ lệ 40,7%. Các yếu tố ảnh hưởng đến tắc vòi tử cung là bệnh nhân có tiền sử nạo hút thai chiếm tỉ lệ 72,1%, bệnh nhân tắc vòi tử cung có tiền sử đặt dụng cụ tử cung chiếm tỉ lệ 26,22%, bệnh nhân có tiền sử phẫu thuật tiểu khung chiếm tỉ lệ 29,5%, tình trạng viêm đường sinh dục thì nguy cơ tắc vòi tử cung tỉ lệ 49,3%. có tiền sử nhiễm Chlamydia trachomatis chiếm 32,7%. **Kết luận:** vô sinh do tắc vòi tử cung chiếm tỉ lệ khá cao 40,7%, trong đó tiền sử có nạo hút thai thì nguy cơ tắc vòi tử cung là 2,59 lần, trong tiền sử có đặt dụng cụ tử cung thì nguy cơ tắc vòi tử cung tăng gấp 1,2 lần, trong tiền sử phẫu thuật tiểu khung nguy cơ tắc vòi tử cung tăng gấp 11,9 lần, trong tiền sử có viêm nhiễm đường sinh dục có nguy cơ tắc vòi tử cung là 2,56 lần.

Từ khóa: Vô sinh, tắc vòi tử cung, chụp tử cung - vòi tử cung.

ABSTRACT

Objective: Describe of some factors related to female infertility due to obstructed tubes at National Hospital of Obstetrics and Gynecology (NHOG) from January to June 2012. **Materials and methods:** Prospective descriptive study on 150 patients consulted because of female infertility with hysterosalpingography at NHOG. **Results:** infertility due to tubal obstruction: 40.7%. Risk Factors affecting to tubal obstruction were previous abortion: 72.1%, history of IUD: 26.22%, history of pelvic surgery: 29.5%, genital tract inflammation: 49.3%, history of genital Chlamydia trachomatis infection 32.7%. **Conclusion:** tubal obstruction is 40.7% with risk factor, history of abortion, the risk is 2.59 times. history of IUDs the risk is 1.2 times. History of pelvic surgery, the risk is 11.9 times, genital tract inflammation the risk is 2.56 times.

Keywords: Infertility, tubal obstruction, hysterosalpingography.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ:

Có rất nhiều nguyên nhân gây vô sinh, trong đó vô sinh do tắc vòi tử cung chiếm tỷ lệ rất cao [1]. Nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy tắc vòi chủ yếu do viêm nhiễm, nguyên nhân chủ yếu từ những viêm nhiễm do những can thiệp từ những dịch vụ y tế trong sinh đẻ hoặc các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình như nạo hút thai, đặt dụng cụ tránh thai [2,3]. Tuy nhiên những viêm nhiễm sinh dục và các bệnh lây truyền qua đường tình dục cũng chiếm tỷ lệ cao: lậu, giang mai, chlamydia...[4,5].

Vi vậy chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài này nhằm 2 mục tiêu chính:

1. Xác định tỷ lệ vô sinh do tắc vòi tử cung ở bệnh

nhân đến khám vô sinh tại BVPSTW.

2. Tìm hiểu một số yếu tố chính ảnh hưởng vô sinh do tắc vòi tử cung tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương từ tháng 1 đến tháng 6/2012.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. ĐỊA ĐIỂM VÀ THỜI GIAN NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được tiến hành tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương, từ tháng 1/2012 đến tháng 6/2012.

2.2. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

Tiêu chuẩn lựa chọn

- Tất cả các bệnh nhân khám vô sinh nữ có chụp tử

cung -vòi tử cung

- Tuổi 20 – 45.

- Đồng ý tham gia nghiên cứu

Tiêu chuẩn loại trừ

- Các trường hợp khám vô sinh nam, khám vô sinh nữ không chụp tử cung vòi tử cung.

- Ngoài lứa tuổi từ 20 - 45.

2.3.PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp nghiên cứu mô tả tiến cứu.

Cỡ mẫu nghiên cứu: 150 bệnh nhân phù hợp với tiêu chuẩn lựa chọn.

3.KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

3.1.TỶ LỆ VÔ SINH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN VÒI TỬ CUNG.

Bảng 1. Nguyên nhân vô sinh

Nguyên nhân vô sinh	n	Tỷ lệ %
Tắc vòi	61	40,7
Các nguyên nhân khác	89	59,3
Tổng số	150	100

Trong nghiên cứu của chúng tôi thấy rằng trong 150 bệnh nhân vô sinh thì nguyên nhân do tắc vòi tử cung có 61 chiếm tỷ lệ 40,7%, nhóm bệnh nhân vô sinh do các nguyên nhân khác là 59,3%.

Vô sinh có tắc vòi tử cung chiếm tỷ lệ khá cao 40,7%. Kết quả này phù hợp với kết quả báo cáo của Nguyễn Khắc Liêu và cộng sự năm 1995 là 43,82% [4], nhưng so sánh với tỷ lệ vô sinh do tắc vòi tử cung trên thế giới thì ở Việt Nam là khá cao nghiên cứu của Helle và cộng sự là 14,2%. [3]

3.2. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TẮC VÒI TỬ CUNG

Bảng 2. Yếu tố liên quan giữa tắc vòi tử cung và tình trạng viêm đường sinh dục

Yếu tố nguy cơ	Vòi tử cung	Tắc	Không tắc	Σ	OR 95% CI
Viêm đường sinh dục		38	39	77	2,56 (1,22 - 5,44)
Không viêm		19	50	73	
Tổng		61	89	150	

Viêm nhiễm đường sinh dục là một trong những nguy cơ gây vô sinh do bị tắc vòi tử cung theo bảng 3.2 khi bị viêm đường sinh dục thì nguy cơ bị tắc vòi tử cung gấp 2,56 lần so với những người không bị viêm nhiễm đường sinh dục và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê (với CI trong khoảng 1,22-5,44)

Trong nghiên cứu của Torress-Sanchez và cộng sự cho thấy tiền sử viêm nhiễm vùng chậu rất có ý nghĩa thống kê nguy cơ vô sinh do vòi tử cung

Bảng 3. Mối liên quan giữa đặt dụng cụ tử cung (DCTC) với tắc vòi tử cung

Đặt DCTC	Vòi tử cung	Tắc	Không tắc	Σ	OR 95% CI
Có		16	21	37	1,2 (0,51 - 2,6)
Không		45	68	113	
Tổng		61	89	150	

Trong 37 trường hợp có tiền sử đặt dụng cụ tử cung thì có 16 trường hợp bị tắc vòi tử cung chiếm tỷ lệ 26,22% và 21 trường hợp không tắc vòi tử cung chiếm tỷ lệ 21,2% sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê. Tiền sử đặt dụng cụ tử cung có liên quan đến tắc vòi tử cung với OR=1,2 và khoảng tin cậy 95% CI là 0,51 - 2,6.

Trong một số nghiên cứu trên thế giới chưa ghi nhận nguy cơ vô sinh liên quan rõ với nguyên nhân đặt dụng cụ tử cung. Tatum nhận thấy hầu hết nguy cơ gia tăng của bệnh lý viêm nhiễm vùng chậu ở những người đang sử dụng dụng cụ tử cung có thể xảy ra sau đặt dụng cụ tử cung từ 1 đến 4 tháng [3]. Theo nghiên cứu của Phạm Như Thảo sau khi đặt DCTC tỷ lệ tắc vòi tử cung chỉ chiếm 5,7%[6].

Bảng 4. Mối liên quan giữa số lần nạo hút thai với tắc vòi tử cung

Đặt DCTC	Vòi tử cung	Tắc	Không tắc	Σ	OR 95% CI
≥ 1 lần		44	83	117	2,59 (1,1 - 6,16)
Chưa nạo, hút		17	16	33	
Tổng		61	89	150	

Trong 117 trường hợp trong tiền sử có nạo hút thai thì có 44 trường hợp bị tắc vòi tử cung chiếm tỷ lệ 72,1% và 83 trường hợp không tắc vòi tử cung chiếm tỷ lệ 93,25%, Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê, tiền sử có nạo hút thai liên quan đến tắc vòi tử cung. Với OR=2,59 và khoảng tin cậy 95% CI là 1,1 - 6,16. Tiền sử nạo hút thai là một yếu tố nguy cơ gây tắc vòi tử cung, và nguy cơ tắc vòi tử cung tăng cao gấp 2,59 lần so với nhóm chưa nạo hút thai lần nào.

Nghiên cứu của chúng tôi cũng phù hợp với các tác giả Nguyễn Khắc Liêu, Phạm Thị Như Thảo [4,6] cũng tại BVPSTW những năm trước đây.

Bảng 5. Mối liên quan giữa tiền sử phẫu thuật (PT) tiểu khung với tắc vòi tử cung

PT tiểu khung	Vòi tử cung	Tắc	Không tắc	Σ	OR 95% CI
Có		18	3	21	11,9 (3,06-53,8)
Không		43	85	118	
Tổng		61	89	150	

Trong 21 trường hợp có tiền sử phẫu thuật vùng tiểu khung thì có 3 trường hợp bị tắc vòi tử cung chiếm tỷ lệ 14,3% và 18 trường hợp không bị tắc

vòi tử cung chiếm tỷ lệ 85,7%, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê. Tiền sử phẫu thuật có liên quan đến tắc vòi tử cung với OR=11,9 và khoảng tin cậy 95% CI là 3,06 – 53,8. Nghiên cứu của chúng tôi cao hơn so với với nghiên cứu của Phạm Như Thảo [6]. Có lẽ do Phạm Như Thảo tiến hành nghiên cứu hồi cứu trên hồ sơ, còn chúng tôi thực hiện nghiên cứu tiến cứu ở hai thời điểm cách nhau khoảng 10 năm.

Bảng 6. Mối liên quan giữa tiền sử nhiễm Chlamydia và tắc vòi tử cung

Nhiễm Chlamydia \ Tắc vòi tử cung	Tắc	Không tắc	Σ	OR, 95% CI 2,9 (1,2- 6,8)
Có	20	13	33	
Không	41	76	117	
Tổng	61	89	150	

Trong 33 trường hợp có tiền sử nhiễm chlamydia thì có 20 trường hợp tắc vòi tử cung chiếm tỷ lệ là 32,7% và 13 trường hợp không tắc chiếm tỷ lệ 14,6%. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê. Bệnh nhân nhiễm chlamydia có liên quan đến tắc vòi tử cung. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với OR = 2,9 và khoảng tin cậy 95% CI là (1,2- 6,8).

Điều đó cho thấy vi khuẩn Clamydia trachomatis là tác nhân hàng đầu gây tắc vòi tử cung chính vì vậy mà chúng ta nên tăng cường truyền thông giáo dục về nhiễm trùng đường sinh dục cho phụ nữ ở độ tuổi sinh đẻ để phát hiện sớm và điều trị kịp thời các nhiễm trùng đường sinh dục.

4. KẾT LUẬN

Qua kết quả nghiên cứu chúng tôi rút ra những kết luận sau:

- Vô sinh do tắc vòi tử cung chiếm tỷ lệ khá cao 40,7% trong tổng số các nguyên nhân gây vô sinh

Các yếu tố chính ảnh hưởng đến vô sinh do tắc vòi tử cung là:

+ Tình trạng viêm nhiễm đường sinh dục thì nguy cơ tắc vòi tử cung tăng gấp 2,56 lần so với nhóm không có viêm đường sinh dục.

+ Trong tiền sử có nạo hút thai thì nguy cơ tắc vòi tử cung là 2,59 lần so với nhóm chưa nạo hút thai lần nào.

+ Tiền sử có đặt dụng cụ tử cung thì nguy cơ tắc vòi tử cung tăng gấp 1,2 lần so với nhóm không đặt dụng cụ tử cung nhưng không có ý nghĩa thống kê.

+ Trong tiền sử có phẫu thuật vùng tiểu khung thì nguy cơ tắc vòi tử cung tăng gấp 11,9 lần so với nhóm không có tiền sử phẫu thuật tiểu khung.

+ Tiền sử bị nhiễm Chlamydia Trachomatis thì nguy cơ tắc vòi tử cung tăng gấp 2,9 lần.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Ngọc Phương, Nguyễn Song Nguyên, Hồ Mạnh Tường, Vương Thị Ngọc Lan. Hiếm Muộn - Vô sinh và kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, NXBY học, Hà Nội, 2002.

2. Maruyama M., Osuga Y., Homoel M. Pregnancy rates after laparoscopic treatment. Differences related to tubal status and presence of endometriosis", Reprod. Med. Feb. 45 (2), 2000, pp. 89 – 93.

3. T aylor R.C., Berkowitz J. Role of Laparoscopic salpingostomy in the treatment of hydrosalpinx, Fertil Steril, Mar, 2001, 75(3), pp 594 – 600.

4. Nguyễn Khắc Liêu. Đại cương về vô sinh. Bài giảng sản phụ khoa – tập I, Nhà xuất bản Y học Hà Nội, Hà Nội, 2002, tr 311-316.

5. Nguyễn Viết Tiến và CS. Tỷ lệ vô sinh trong công đồng trên toàn quốc. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Quốc gia, Bệnh viện Phụ sản Trung ương, 2009.

6. Phạm Như Thảo. Tìm hiểu một số đặc điểm, yếu tố liên quan và những biện pháp điều trị vô sinh tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương năm 2003. Luận văn thạc sỹ Y học, Đại học y Hà Nội, Hà Nội, 2004.